

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

Số: 2806 /QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bình Phước, ngày 01 tháng 11 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án
“Nhà máy sản xuất thiết bị âm thanh – cuộn dây âm loa (voice coil)
với công suất 50.000.000 cái/năm” do Công ty TNHH Haiyun Enterprise
làm Chủ đầu tư tại lô B5-2, KCN Minh Hưng - Hàn Quốc,
xã Minh Hưng, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước**

CHỦ TỊCH UBND TỈNH BÌNH PHƯỚC

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23/6/2014;

*Căn cứ Nghị định số 82/2018/NĐ-CP ngày 22/5/2018 của Chính phủ quy
định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế;*

*Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ về sửa
đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành
Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ
Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều Nghị định số
40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều
của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường
và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;*

*Theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng thẩm định Báo cáo đánh giá tác động
môi trường của Dự án “Nhà máy sản xuất thiết bị âm thanh – cuộn dây âm loa
(voice coil) với công suất 50.000.000 cái/năm” họp ngày 22/4/2021 tại Ban Quản
lý Khu kinh tế;*

*Xét nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Nhà máy
sản xuất thiết bị âm thanh – cuộn dây âm loa (voice coil) với công suất 50.000.000
cái/năm” đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Công văn số 155/CVMT-HAIYUN
ngày 09/9/2021 của Công ty TNHH Haiyun Enterprise;*

*Theo đề nghị của Trưởng ban Ban Quản lý Khu kinh tế tại Tờ trình số
76/TTr-BQL ngày 27/10/2021.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Nhà máy sản xuất thiết bị âm thanh – cuộn dây âm loa (voice coil) với công suất 50.000.000 cái/năm” (sau đây gọi là Dự án) do Công ty TNHH Haiyun Enterprise (sau đây gọi là Chủ Dự án) làm chủ đầu tư tại lô B5-2, KCN Minh Hưng - Hàn Quốc, xã Minh Hưng, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước với các nội dung chính tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ Dự án có trách nhiệm:

1. Niêm yết công khai Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định pháp luật (trừ trường hợp được miễn tham vấn).

2. Thực hiện nghiêm túc nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này.

Điều 3. Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường của Dự án.

Điều 4. Ủy nhiệm Ban Quản lý Khu kinh tế chủ trì kiểm tra các nội dung bảo vệ môi trường trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Quyết định này; tổ chức kiểm tra và cấp Giấy xác nhận hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của Dự án.

Điều 5. Giấy xác nhận đăng ký Kế hoạch bảo vệ môi trường số 24/GXN-BQL do Ban Quản lý Khu kinh tế cấp ngày 02/12/2019 cho Dự án “Nhà máy sản xuất thiết bị âm thanh: Sản xuất cuộn dây âm loa và các linh kiện loa khác công suất 480.000 cái/năm – Giai đoạn I” hết hiệu lực kể từ ngày ký Quyết định này.

Điều 6. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Trưởng ban Ban Quản lý Khu kinh tế, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch UBND huyện Chơn Thành, Người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH Haiyun Enterprise và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này, kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Chủ tịch, Phó Chủ tịch;
- Như Điều 6;
- UBND xã Minh Hưng;
- Chi nhánh Công ty TNHH C&N Vina MHK;
- Lãnh đạo VP, Phòng Kinh tế;
- Lưu: VT_(BH-77-QĐPD-29/10).

CT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Huỳnh Anh Minh

Phụ lục
CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN
“NHÀ MÁY SẢN XUẤT THIẾT BỊ ÂM THANH – CUỘN DÂY ÂM LOA
(VOICE COIL) VỚI CÔNG SUẤT 50.000.000 CÁI/NĂM” DO CÔNG TY
TNHH HAIYUN ENTERPRISE LÀM CHỦ ĐẦU TƯ TẠI LÔ B5-2,
KCN MINH HƯNG - HÀN QUỐC, XÃ MINH HƯNG,
HUYỆN CHƠN THÀNH, TỈNH BÌNH PHƯỚC
(Kèm theo Quyết định số 2806.../QĐ-UBND ngày 21./11./2021
của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Phước)

1. Thông tin về Dự án:

1.1. Tên Dự án: Nhà máy sản xuất thiết bị âm thanh – cuộn dây âm loa (voice coil) với công suất 50.000.000 cái/năm.

1.2. Địa điểm thực hiện: Lô B5-2, KCN Minh Hưng - Hàn Quốc, xã Minh Hưng, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

1.3. Chủ đầu tư: Công ty TNHH Haiyun Enterprise.

Địa chỉ liên hệ: Lô B5-2, KCN Minh Hưng - Hàn Quốc, xã Minh Hưng, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

1.4. Phạm vi, quy mô, công suất của Dự án:

1.4.1. Phạm vi, quy mô: Dự án “Nhà máy sản xuất thiết bị âm thanh – cuộn dây âm loa (voice coil) với công suất 50.000.000 cái/năm” được thực hiện tại lô B5-2, KCN Minh Hưng – Hàn Quốc với tổng diện tích thực hiện dự án 7.896 m², bao gồm các hạng mục công trình hiện hữu và công trình xây dựng mở rộng như sau:

- Công trình chính: Khu sản xuất, khu nguyên liệu, khu thành phẩm, khu kiểm tra chất lượng, nhà văn phòng, phòng họp.

- Công trình bảo vệ môi trường: Bể tự hoại 05 ngăn, hệ thống lọc khí trung tâm, hệ thống xử lý khí thải, hệ thống xử lý nước thải, khu vực lưu chứa chất thải sinh hoạt, chất thải công nghiệp, chất thải nguy hại.

- Đường giao thông nội bộ, sân, cây xanh và các công trình phụ trợ khác.

1.4.2. Công suất: Sản xuất thiết bị âm thanh – cuộn dây âm loa (voice coil) với công suất 50.000.000 cái/năm.

1.5. Công nghệ sản xuất của Dự án:

Quy trình công nghệ sản xuất cuộn dây âm loa (voice coil) như sau:

Nguyên liệu (sợi đồng/sợi tơ đã gia công) → Quấn PGI → Dập → Chấm keo/Hàn → Sấy → Kiểm tra → Đóng gói → Thành phẩm.

2. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh từ Dự án:

Dự án đã xây dựng hoàn thiện nhà xưởng và các hạng mục công trình phụ trợ khác. Để đáp ứng nhu cầu hoạt động, Dự án lắp đặt máy móc, thiết bị sản xuất và xây dựng, lắp đặt hệ thống xử lý nước thải, hệ thống xử lý khí thải.

2.1. Các tác động môi trường chính của Dự án:

- *Tác động trong giai đoạn lắp đặt máy móc thiết bị, xây dựng, lắp đặt hệ thống xử lý nước thải, hệ thống xử lý khí thải:* Bụi, khí thải từ các phương tiện vận chuyển; bụi và khí thải từ hoạt động của các loại máy móc thiết bị phục vụ thi công hệ thống xử lý nước thải, hệ thống xử lý khí thải và lắp đặt máy móc, thiết bị sản xuất; nước mưa chảy tràn; nước thải sinh hoạt; chất thải rắn thi công; chất thải rắn sinh hoạt; chất thải nguy hại; tiếng ồn của các phương tiện thi công và lắp đặt máy móc thiết bị của nhà máy.

- *Tác động trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành:* Bụi, khí thải phát sinh từ phương tiện giao thông; bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động vận chuyển nguyên, nhiên, vật liệu, sản phẩm; bụi, hơi keo, hơi dung môi, khói hàn phát sinh trong quá trình sản xuất; nước mưa chảy tràn; nước thải sinh hoạt; chất thải rắn sinh hoạt; chất thải rắn sản xuất; chất thải nguy hại.

2.2. Quy mô, tính chất của nước thải:

2.2.1. Trong giai đoạn thi công, lắp đặt máy móc, thiết bị:

- *Nước thải sinh hoạt:* Phát sinh khoảng 0,9 m³/ngày. Nước thải sinh hoạt chứa các thành phần gây ô nhiễm môi trường nước như: Các chất cặn bã, các chất lơ lửng (SS), các hợp chất hữu cơ, các chất dinh dưỡng (N, P) và các loại vi sinh vật.

- *Nước thải xây dựng:* Phát sinh khoảng 01 m³/ngày gồm nước rửa máy móc, thiết bị, dụng cụ phục vụ thi công... Thành phần trong nước thải xây dựng chứa chủ yếu là bùn, đất cát, xi măng...

2.2.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành:

- *Nước thải sinh hoạt:* Lưu lượng nước thải phát sinh 22,5 m³/ngày, chứa các chất lơ lửng, chất hữu cơ, các chất cặn bã, vi sinh vật, dầu mỡ động thực vật, các chất hoạt động bề mặt...

- *Nước thải sản xuất:* Trong quá trình sản xuất, Dự án không phát sinh nước thải sản xuất.

2.3. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải:

2.3.1. Trong giai đoạn thi công, lắp đặt máy móc, thiết bị:

Bụi, khí thải do các phương tiện vận chuyển, hoạt động của các loại máy móc thiết bị phục vụ thi công hệ thống xử lý nước thải, hệ thống xử lý khí thải và lắp đặt máy móc, thiết bị sản xuất: Có chứa các thành phần ô nhiễm như bụi, SO₂, NO₂, CO, VOC...

2.3.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành:

- *Bụi, khí thải phát sinh từ phương tiện giao thông, hoạt động vận chuyển nguyên, nhiên, vật liệu:* Thành phần khí thải gồm bụi, SO₂, NO₂, CO, VOC...

- *Bụi, hơi keo, hơi dung môi, khói hàn trong quá trình sản xuất:* Có chứa thành phần như methanol, ethanol, hơi kim loại (Sn)...

2.4. Quy mô, tính chất của chất thải rắn công nghiệp thông thường:

2.4.1. Trong giai đoạn thi công và lắp đặt máy móc, thiết bị:

- *Chất thải rắn thi công*: Phát sinh khoảng 10 kg/ngày, thành phần chủ yếu là bao bì giấy, ni lông, sắt thép vụn...

- *Chất thải rắn sinh hoạt*: Phát sinh khoảng 13 kg/ngày. Thành phần gồm rau, vỏ hoa quả, giấy, vỏ đồ hộp... Chất thải sinh hoạt có chứa 76% - 82% chất hữu cơ và 18% - 24% các chất khác.

2.4.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành:

- *Chất thải rắn công nghiệp thông thường*: Phát sinh khoảng 182,7 kg/tháng. Thành phần gồm bao bì giấy, ni lông, giấy carton, nguyên liệu thừa, dây đai...

- *Chất thải rắn sinh hoạt*: Phát sinh khoảng 325 kg/ngày. Thành phần chủ yếu là chất hữu cơ, chiếm tỷ lệ từ 60% - 75% tổng khối lượng chất thải, thành phần còn lại chủ yếu là giấy, ni lông, đất cát...

2.5. Quy mô, tính chất của chất thải nguy hại:

2.5.1. Trong giai đoạn thi công, lắp đặt máy móc, thiết bị: Chất thải nguy hại phát sinh khoảng 27 kg/tháng chủ yếu là giẻ lau dính dầu nhớt, que hàn thải, bao bì thải...

2.5.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành: Chất thải nguy hại phát sinh khoảng 3,2 tấn/năm. Thành phần chủ yếu là thùng chứa pin, ắc quy thải, dầu nhớt, than hoạt tính thải, sản phẩm lỗi dính thành phần nguy hại, dầu máy bảo trì máy móc, hộp mực in, giẻ lau, bóng đèn huỳnh quang...

3. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của Dự án:

3.1. Về thu gom và xử lý nước thải:

3.1.1. Trong giai đoạn thi công, lắp đặt máy móc, thiết bị:

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do nước thải sinh hoạt*: Sử dụng nhà vệ sinh hiện hữu tại nhà máy. Nước thải sinh hoạt từ các nhà vệ sinh được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 05 ngăn và đầu nối về hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN Minh Hưng - Hàn Quốc.

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do nước thải xây dựng*: Thu gom toàn bộ lượng nước thải thi công phát sinh, không thải ra môi trường. Nước thải xây dựng được thu gom, lắng sơ bộ và tái sử dụng cho quá trình thi công.

- *Yêu cầu bảo vệ môi trường*: Nước thải sinh hoạt phải được thu gom, xử lý đạt giới hạn tiếp nhận nước thải của KCN Minh Hưng - Hàn Quốc (cột B, QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp).

3.1.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành:

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do nước thải sinh hoạt*:

Nước thải sinh hoạt qua bể tự hoại 05 ngăn được thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 30 m³/ngày.đêm của Dự án để xử lý đạt cột B, QCVN 40:2011/BTNMT trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN Minh Hưng - Hàn Quốc.

Quy trình xử lý của hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 30 m³/ngày.đêm của Dự án bao gồm các hạng mục chính sau:

Nước thải sinh hoạt (sau bể tự hoại) → Bể thu gom → Bể điều hòa → Bể sinh học thiếu khí → Bể sinh học hiếu khí → Bể lắng sinh học → Bể trung gian - khử trùng → Hồ ga giám sát nước thải → Đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN Minh Hưng - Hàn Quốc.

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải sinh hoạt phát sinh từ quá trình hoạt động của Dự án đạt tiêu chuẩn đầu nối nước thải của KCN Minh Hưng - Hàn Quốc (cột B QCVN 40:2011/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp).

3.2. Về xử lý bụi, khí thải:

3.2.1. Trong giai đoạn thi công, lắp đặt máy móc, thiết bị:

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do bụi, khí thải do các phương tiện vận chuyển, hoạt động của các loại máy móc thiết bị phục vụ thi công hệ thống xử lý nước thải, hệ thống xử lý khí thải và lắp đặt máy móc, thiết bị sản xuất:* Có kế hoạch thi công thích hợp, trang bị bảo hộ lao động, tập huấn an toàn lao động cho công nhân, thiết bị máy móc được sử dụng đảm bảo kỹ thuật...

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Môi trường không khí khu vực thi công và lắp đặt máy móc, thiết bị đạt các quy định tại Quyết định số 3733/2002/QĐ-BYT ngày 10/10/2002 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành 21 tiêu chuẩn vệ sinh lao động, 05 nguyên tắc và 07 thông số vệ sinh lao động; QCVN 02:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc; QCVN 03:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc và các quy định của pháp luật hiện hành.

3.2.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành:

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do khí thải từ các phương tiện vận tải ra vào nhà máy, quá trình vận chuyển, bốc dỡ hàng hóa:* Điều phối xe hợp lý; định kỳ kiểm tra kỹ thuật, bảo dưỡng xe định kỳ; bố trí nhà kho phù hợp; bố trí bãi đậu xe hợp lý, xe chờ đúng tải trọng và chấp hành nghiêm chỉnh các quy định về giao thông...

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do bụi, hơi dung môi, hơi keo, hơi mực in, hơi khí hàn trong quá trình sản xuất:* Bố trí mặt bằng phù hợp với quy trình sản xuất; sử dụng máy móc, thiết bị hiện đại, được bảo dưỡng định kỳ; trang bị bảo hộ lao động cho công nhân... Ngoài ra, tại các công đoạn sản xuất có phát sinh hơi dung môi, hơi khí hàn, Chủ Dự án đầu tư lắp đặt hệ thống xử lý, cụ thể như sau:

+ Tại công đoạn chấm keo: Lắp đặt hệ thống lọc khí trung tâm HEPA để thông thoáng nhà xưởng, lọc bụi và mùi.

+ Tại công đoạn hàn thiếc: Lắp đặt 06 chụp hút tại khu vực hàn thiếc và hệ thống đường ống để thu gom khí thải về tháp hấp phụ khí thải bằng than hoạt tính, với sơ đồ xử lý như sau: Khí thải (hơi khí hàn) → Chụp hút + ống dẫn → Tháp hấp phụ than hoạt tính → Quạt hút → Ống thải (Chiều cao 15 m, đường kính 0,6 m).

+ Tại công đoạn sấy: Bố trí công đoạn sấy tại khu vực riêng biệt, đồng thời lắp đặt hệ thống xử lý khí thải bằng phương pháp hấp phụ than hoạt tính với quy

trình công nghệ như sau: Hơi dung môi → Chụp hút + ống dẫn → Tháp hấp phụ than hoạt tính → Quạt hút → Ống thải (Chiều cao 15 m, đường kính 0,4 m).

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường*: Thu gom, xử lý bụi, khí thải phát sinh từ quá trình sản xuất của Dự án đạt cột B của QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ ($k_p=1$; $k_v=1$); QCVN 20:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ và các quy định hiện hành. Môi trường không khí khu vực sản xuất đạt các quy định tại Quyết định số 3733/2002/QĐ-BYT ngày 10/10/2002 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành 21 tiêu chuẩn vệ sinh lao động, 05 nguyên tắc và 07 thông số vệ sinh lao động; QCVN 02:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc; QCVN 03:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc và các quy định của pháp luật hiện hành.

3.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn sinh hoạt và công nghiệp thông thường:

3.3.1. Trong giai đoạn thi công, lắp đặt máy móc, thiết bị:

- *Chất thải rắn thi công, lắp đặt máy móc thiết bị*: Thu gom toàn bộ lượng chất thải rắn phát sinh vào các thùng chứa, lưu chứa tại khu vực chứa tạm thời có diện tích 40 m². Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định của pháp luật.

- *Chất thải rắn sinh hoạt*: Được thu gom và lưu trữ trong các thùng chứa, lưu chứa tạm thời tại khu vực chứa chất thải rắn sinh hoạt diện tích 03 m² và hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt theo đúng quy định của pháp luật.

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường*: Quản lý các loại chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn công nghiệp thông thường đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định của Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu; Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và các quy định của pháp luật hiện hành.

3.3.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành:

- *Chất thải rắn sinh hoạt*: Được thu gom và lưu trữ trong các thùng chứa, lưu chứa tạm thời tại khu vực chứa chất thải rắn sinh hoạt diện tích 03 m² và hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt theo đúng quy định của pháp luật.

- *Chất thải rắn công nghiệp thông thường*: Thu gom toàn bộ chất thải rắn công nghiệp thông thường lưu chứa vào trong kho chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường với diện tích 40 m². Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định của pháp luật.

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường*: Quản lý các loại chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn công nghiệp thông thường đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định của Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu; Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và các quy định của pháp luật hiện hành.

3.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại:

3.4.1. Trong giai đoạn thi công, lắp đặt máy móc, thiết bị:

- Phân loại, lưu giữ tạm thời chất thải nguy hại trong các thùng chứa chất thải nguy hại chuyên dụng đặt trong kho chứa chất thải nguy hại tạm với diện tích 20 m² có mái che, vách bao quanh, phân khu, dán nhãn, có gờ bao quanh, rãnh rón thu gom chất thải nguy hại dạng lỏng, thiết bị phòng cháy chữa cháy... Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định của pháp luật.

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường*: Quản lý chất thải nguy hại phát sinh đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định của Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu, Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường, Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại và các quy định hiện hành.

3.4.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành:

- Phân loại, lưu giữ tạm thời chất thải nguy hại trong các thùng chứa chất thải nguy hại chuyên dụng đặt trong kho chứa chất thải nguy hại với diện tích 20 m² có mái che, vách bao quanh, phân khu, dán nhãn, có gờ bao quanh, rãnh rón thu gom chất thải nguy hại dạng lỏng, thiết bị phòng cháy chữa cháy... Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định của pháp luật.

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường*: Quản lý chất thải nguy hại phát sinh đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định của Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu, Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường, Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại và các quy định hiện hành.

3.5. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung và ô nhiễm khác:

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn và độ rung*: Lắp đặt thiết bị có chất lượng tốt đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật, thường xuyên kiểm tra và bảo dưỡng định kỳ các máy móc, trang thiết bị, trang bị thiết bị bảo hộ lao động cho công nhân, trồng cây xanh, thảm cỏ xung quanh nhà máy...

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do nhiệt dư:* Thiết kế nhà máy thông thoáng, thông gió tự nhiên, lắp đặt hệ thống lọc khí trung tâm HEPA; trồng cây xanh xung quanh nhà máy...

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Tuân thủ QCVN 27:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung - Giá trị tại nơi làm việc; QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 26:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu tại nơi làm việc và các quy chuẩn môi trường hiện hành khác có liên quan, đảm bảo các điều kiện an toàn, vệ sinh môi trường trong quá trình vận hành Dự án. Trồng, chăm sóc, duy trì cây xanh trong khuôn viên nhà máy, đảm bảo tỷ lệ diện tích đất cây xanh đạt tối thiểu 20% tổng diện tích của Dự án.

3.6. Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường:

3.6.1. Trong giai đoạn lắp đặt máy móc, thiết bị: Thực hiện các biện pháp để phòng ngừa, ứng phó tai nạn lao động, các sự cố về cháy nổ... theo đúng nội dung trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án và tuân thủ các quy định hiện hành.

3.6.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành: Áp dụng đầy đủ các biện pháp ứng phó, phòng ngừa sự cố môi trường đã đề xuất trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường. Tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về phòng chống cháy nổ, ứng cứu sự cố, rủi ro và các quy định khác của pháp luật trong toàn bộ hoạt động của dự án. Trường hợp xảy ra sự cố ảnh hưởng đến môi trường và sức khỏe cộng đồng, chủ Dự án phải chủ động tổ chức ứng cứu khắc phục sự cố và khẩn trương báo cáo cho các cơ quan thẩm quyền để giải quyết sự cố theo quy định.

4. Danh mục công trình bảo vệ môi trường chính của Dự án:

- Bể tự hoại 05 ngăn; số lượng 04 bể, tổng dung tích 22,8 m³.
- Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt, công suất 30 m³/ngày.đêm.
- Hệ thống xử lý khí thải tại công đoạn sấy; số lượng 01 hệ thống, công suất 2.000 m³/giờ.
- Hệ thống xử lý khí thải tại công đoạn hàn thiếc; số lượng 01 hệ thống, công suất 12.000 m³/giờ.
- Khu vực lưu chứa chất thải sinh hoạt có diện tích 03 m².
- Khu vực lưu chứa chất thải công nghiệp có diện tích 40 m².
- Khu vực lưu chứa chất thải nguy hại có diện tích 20 m².
- Công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường.
- Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của Chủ Dự án:

5.1. Giai đoạn vận hành thử nghiệm:

5.1.1. Giám sát nước thải:

- *Vị trí giám sát và thông số giám sát:*

+ 01 vị trí đầu vào tại hồ thu gom: Lưu lượng, pH, COD, BOD₅, chất rắn lơ lửng, tổng N, tổng P, amoni, coliform, dầu mỡ khoáng.

- + 01 vị trí tại bể điều hòa: Lưu lượng, pH, COD, BOD₅, chất rắn lơ lửng.
- + 01 vị trí tại bể sinh học thiếu khí: Lưu lượng, tổng N, tổng P, amoni.
- + 01 vị trí tại bể sinh học hiếu khí: Lưu lượng, COD, BOD₅, chất rắn lơ lửng, tổng N, tổng P.
- + 01 vị trí tại bể lắng sinh học: Lưu lượng, COD, BOD₅, chất rắn lơ lửng, tổng N, tổng P.
- + 01 vị trí tại bể trung gian: Lưu lượng, coliform.
- + 01 vị trí xả thải trước khi đầu nối vào hệ thống xử lý tập trung của KCN: Lưu lượng, pH, COD, BOD₅, chất rắn lơ lửng, tổng N, tổng P, amoni, coliform, dầu mỡ khoáng.
- *Tần suất giám sát*: Theo quy định tại Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.
- *Quy chuẩn so sánh*: Tiêu chuẩn đầu nối nước thải của KCN Minh Hưng - Hàn Quốc (cột B QCVN 40:2011/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp).

5.1.2. Giám sát khí thải:

- *Vị trí giám sát và thông số giám sát*:
 - + 01 vị trí trước hệ thống xử lý khí thải tại công đoạn hàn thiếc và 01 vị trí tại miệng thải ống khói của hệ thống xử lý khí thải công đoạn hàn thiếc: Lưu lượng, CO, NO_x, Sn, Pb.
 - + 01 vị trí trước hệ thống xử lý khí thải tại công đoạn sấy và 01 vị trí tại miệng thải ống khói của hệ thống xử lý khí thải công đoạn sấy: Lưu lượng, methanol.
- *Tần suất giám sát*: Theo quy định tại Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.
- *Quy chuẩn so sánh*: QCVN 19:2009/BTNMT, cột B - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ ($k_p=1$; $k_v=1$); QCVN 20:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ và quy chuẩn hiện hành.

5.2. Giai đoạn vận hành thương mại:

5.2.1. Giám sát môi trường không khí khu vực sản xuất:

- *Vị trí giám sát và thông số giám sát*:
 - + 01 vị trí tại khu vực hàn: Độ ồn, bụi, SO₂, NO₂, CO, Sn, Pb, ethanol.
 - + 01 vị trí tại khu vực chấm keo: Độ ồn, bụi, SO₂, NO₂, CO, methanol.
 - + 01 vị trí tại khu vực sấy: Độ ồn, bụi, SO₂, NO₂, CO, methanol.
- *Tần suất giám sát*: 06 tháng/lần.
- *Quy chuẩn so sánh/Quy định áp dụng*: QCVN 26:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu - Giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc; QCVN 24:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc; QCVN 02:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật

quốc gia về bụi - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc; QCVN 03:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc; Quyết định số 3733/2002/QĐ-BYT ngày 10/10/2002 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành 21 tiêu chuẩn vệ sinh lao động, 05 nguyên tắc và 07 thông số vệ sinh lao động và các quy định hiện hành.

5.2.2. Giám sát khí thải tại nguồn:

- *Vị trí giám sát và thông số giám sát:*

+ 01 vị trí tại miệng thải ống khói hệ thống xử lý khí thải công đoạn hàn thiếc: Lưu lượng, CO, NO_x, Sn, Pb.

+ 01 vị trí tại miệng thải ống khói của hệ thống xử lý khí thải công đoạn sấy: Lưu lượng, methanol.

- *Tần suất giám sát:* 03 tháng/lần.

- *Quy chuẩn so sánh:* QCVN 19:2009/BTNMT, cột B - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ ($k_p=1$; $k_v=1$); QCVN 20:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ và quy chuẩn hiện hành.

5.2.3. Giám sát nước thải:

- *Vị trí giám sát:* 01 vị trí đầu vào và 01 vị trí tại đầu ra của hệ thống xử lý nước thải trước khi đầu nối vào hệ thống xử lý tập trung của KCN.

- *Thông số giám sát:* Lưu lượng, pH, TSS, BOD₅, COD, tổng N, tổng P, amoni, dầu mỡ khoáng, coliform.

- *Tần suất giám sát:* 03 tháng/lần.

- *Quy chuẩn so sánh:* Tiêu chuẩn đầu nối nước thải của KCN Minh Hưng - Hàn Quốc (cột B QCVN 40:2011/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp).

5.3.4. Giám sát chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại:

- *Vị trí giám sát:* Khu vực chứa chất thải tập trung.

- *Thông số giám sát:* Thành phần, khối lượng, chứng từ.

- *Tần suất giám sát:* Thường xuyên; định kỳ báo cáo cơ quan chức năng theo quy định.

- *Quy định áp dụng:* Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường; Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu; Thông tư số 36/2015/BTNMT, ngày 30/06/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về quản lý chất thải nguy hại.

6. Các điều kiện có liên quan đến môi trường:

Các yêu cầu đối với Chủ Dự án:

6.1. Vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải và lập hồ sơ đề nghị kiểm tra, xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường theo đúng quy định tại

Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường.

6.2. Tuân thủ Thông tư số 35/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về bảo vệ môi trường khu kinh tế, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao và Thông tư số 31/2016/TT-BTNMT ngày 14/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về bảo vệ môi trường cụm công nghiệp, khu kinh doanh, dịch vụ tập trung, làng nghề và cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.

6.3. Tuân thủ các quy định về phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định hiện hành.

6.4. Tuân thủ các yêu cầu về vệ sinh công nghiệp, an toàn lao động trong quá trình thực hiện Dự án theo các quy định của pháp luật hiện hành.

6.5. Thực hiện các biện pháp giáo dục, nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường, an toàn vệ sinh lao động, phòng chống cháy, nổ đối với cán bộ, công nhân viên làm việc cho Dự án.

6.6. Thực hiện việc đăng ký, công bố chất lượng các loại sản phẩm của Dự án trước khi thương mại hóa theo các quy định của pháp luật hiện hành (nếu có).

6.7. Thiết lập mô hình quản lý và đảm bảo nguồn lực tài chính để các công trình bảo vệ môi trường của Dự án được duy trì, vận hành hiệu quả và chương trình quan trắc, giám sát môi trường được thực hiện theo quy định của pháp luật.

6.8. Chủ động đề xuất điều chỉnh các công trình bảo vệ môi trường trong trường hợp các công trình này không đảm bảo công tác bảo vệ môi trường khi Dự án đi vào hoạt động theo quy định của pháp luật.

6.9. Thực hiện các nội dung khác theo quy định của pháp luật hiện hành./.